

Bản án số: **31** /2019/DS-ST

Ngày 10-07-2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Đức Hoàng.**

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Tiến**

2. Ông **Huỳnh Thanh Trà.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Hiếu** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thị Thu Hiếu.**

Ngày 10.7.2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2019/TLST-DS ngày 15/02/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-DS ngày 07/06/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST-DS ngày 24/06/2019, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Đặng Văn K** - Sinh năm 1971 - Địa chỉ: K82/8 Nguyễn Văn L, phường Nam D, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim T** - Sinh năm 1982 - Địa chỉ: K253/16 Nguyễn H, phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt không có lý do.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Lâm Phúc Vương C** - sinh năm 1989 - Địa chỉ: K448/72/2 đường TN, quận H, thành phố Đà Nẵng, Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Đặng Văn K trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim T là đại lý vé số đặt tại 253/16 N, thành phố Đà Nẵng. Bà T là vợ của bạn thân ông K. Bà T có đến nhà ông K trình bày đại lý của bà có vé trúng thưởng mà không có vốn để đổi liền để nhận trích hoa hồng cao hơn. Ông K vì nể mặt anh em bạn bè thân thiết nên vào ngày 03/8/2018, ông K cho bà T

mượn số tiền là 438.000.000 có ký hợp đồng góp vốn và bà T cam kết là 10 ngày sau khi công ty xổ số 7 tỉnh Miền Trung trả lương thì bà T hoàn trả lại số tiền mà ông K đã cho mượn.

Trong khi chờ đợi số tiền hoàn trả lại thì bà T tiếp tục hỏi vay tiền của ông K với lý do là có công việc và có cơ hội cho ông K trong công ty xổ số 7 tỉnh Miền Trung để tạo tăng thu nhập cao để đáp ứng và giải quyết công việc gấp của ông K. Với tình hình kinh tế khó khăn của ông K hiện tại nên bà T động viên ông K vay mượn thêm của người thân số tiền là 470.000.000 đồng. Thông qua các giấy mượn tiền giữa ông K và bà T ký vào các ngày 27/6/2018, ngày 02/8/2018, ngày 25/6/2018 và hợp đồng cho vay tiền giữa ông K và ông Lâm Phúc Vương C ký vào ngày 05/10/2018. Bà T cam đoan trả tiền lại liền cho người thân tới từ nguồn gốc các loại vé số và vốn của bà trong công ty sau thời gian vài tuần. Mãi sau này không thấy bà T trả tiền thì ông K sinh nghi bà T có hành vi lừa gạt, chiếm đoạt.

Trong quá trình vay mượn ông K xác nhận bà T có trả tiền lãi cho ông K với số tiền 45 triệu đồng. Ông K đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở nhưng bà T vẫn chạy lý chồn tránh và bà T có nhắn tin cho ông K xin trả dần; ông K không đồng ý.

Vì vậy, ông Đặng Văn K yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải thanh toán tổng số tiền là 950.000.000 đồng trong đó số tiền gốc đã mượn là 908.000.000 đồng và lãi suất tính đến thời điểm khởi kiện là 42.000.000 đồng (5 tháng lãi suất theo ngân hàng).

Tại phiên tòa ông K rút yêu cầu tính lãi suất với số tiền 42 triệu đồng.

-Đối với bà Nguyễn Thị Kim T: Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim T nhưng bà T không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ việc. Do vậy, bà T phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ chứng cứ của mình.

-Đối với ông Lâm Phúc Vương C: Tòa án đã thông báo về việc đưa người vào tham gia tố tụng; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lâm Phúc Vương C. Ông C đã gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại đơn trình bày ý kiến đề ngày 12.4.2019, ông C trình bày như sau: Ông C và ông K có quan hệ bạn bè với nhau. Vào ngày 05.10.2018 ông C có cho ông K vay số tiền 170.000.000 đồng; hẹn đến ngày 15.10.2018 sẽ trả, không có lãi suất. Hai bên đã lập hợp đồng vay tiền và cùng ký xác nhận, đến hạn thanh toán, ông K đã trả cho ông C số tiền 170.000.000 đồng. Khi ông C cho ông K vay tiền thì chỉ có ông K và ông C chứ không có

bà T. Ông C chỉ biết bà T là vợ của một người quen của ông. Ông C không biết việc bà T ký tên phía dưới tên của ông và ông K tại hợp đồng vay tiền ngày 05.10.2018. Ông C không cho bà T vay tiền. Nay ông K khởi kiện yêu cầu bà T phải trả nợ thì ông C cho rằng đó là việc riêng giữa ông K bà và T. Về số tiền 170.000.000 đồng thì ông K đã thanh toán xong, ông C không có yêu cầu gì.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện ông C không thể tham gia tố tụng tại Tòa án được vì điều kiện công việc nên đề nghị được vắng mặt tại các phiên hòa giải cũng như các phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi HĐXX vào nghị án là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung : Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Đặng Văn K; Buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho ông K số tiền là 908.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng :

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Kim T có nơi cư trú tại K253/16 Nguyễn H, phường Bình H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng nên vụ án do Tòa án nhân dân quận Hải Châu (Tòa án nơi bị đơn cư trú) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự (hợp đồng vay tài sản) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Đối với và ông Lâm Phúc Vương C, có đơn xin xét xử vắng mặt; nên Tòa án tiến hành xét xử vắng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 908.000.000 đồng. HĐXX nhận thấy chứng cứ do Nguyên đơn xuất trình có đủ cơ sở để xác định vào các ngày:

-Ngày 27/02/2018 bà T có vay của ông K số tiền 80 triệu đồng; thời hạn vay là đến

ngày 06/7/2018 trả, không tính lãi suất.

- Ngày 02/8/2018 bà T có vay của ông K 150 triệu đồng; không quy định thời hạn trả, không tính lãi suất.

- Ngày 25/6/2018 bà T vay của ông K 70 triệu đồng, thời hạn vay là đến ngày 25/7/2018 trả, không tính lãi suất.

- Ngày 05/10/2018 bà T vay của ông K số tiền 170 triệu, thời hạn vay là đến ngày 15/10/2018 trả, không quy định lãi suất.

- Ngày 03/8/2018 hai bên ký Hợp đồng góp vốn đầu tư sinh lãi từ đại lý vé số nội dung hợp đồng ghi bà T có mượn của ông K số tiền 438 triệu đồng; trong hợp đồng không quy định lãi bao nhiêu, thời hạn như thế nào; ông K xác định bản chất hợp đồng này là quan hệ vay mượn; tuy nhiên thực tế các bên vẫn tính lãi cụ thể bà T có trả lãi cho ông K với số tiền 45 triệu đồng.

Tuy nhiên từ đó đến nay bà T vẫn chưa trả được khoản tiền vay trên cho ông K đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu trả khoản nợ vay trên nhưng bà T cố tình chạy lỳ và trốn tránh mặc dù ông K đã dùng nhiều cách để gặp bà nhưng không được, chỉ có tin nhắn giữa hai bên và bà T nhắn tin xin ông K cho bà trả dần số tiền nói trên .v.v. Ông K không đồng ý; Do đó, ông K đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Hải Châu giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho ông tổng cộng số tiền vay là 908.000.000 đồng.

HĐXX xét thấy việc ông Đặng Văn K khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T thanh toán số tiền vay là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015; Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.2]. Tại phiên tòa Nguyên đơn ông K rút yêu cầu tiền lãi suất số tiền 42.000.000 đồng; Vì vậy, HĐXX đình chỉ với yêu cầu này.

[2.3]. Đối với ông Lâm Phúc Vương C ông là người cho ông K mượn tiền và sau đó ông K cho bà T mượn lại và trong quá trình giải quyết vụ án ông C trình bày; ông Kỳ đã trả cho ông C số tiền 170 triệu đồng và ông không có yêu cầu gì. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí; Do chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn ông Đặng Văn K nên Bị đơn Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu số tiền án phí là : 39.240.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 357, 463, 465, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn K đối với bà Nguyễn Thị Kim T.

Xử: Buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải thanh toán cho ông Đặng Văn K số tiền tính tổng cộng là **908.000.000 đồng**. (*Chín trăm lẻ tám triệu đồng y*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc ông Đặng Văn K có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) mà bà Nguyễn Thị Kim T không trả tiền thi hàng tháng còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ đối với phần yêu cầu tính lãi của ông Đặng Văn K đối với bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 42 .000.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 39.240.000 đồng (*ba mươi chín triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng y*) bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu.

Hoàn trả cho ông Đặng Văn K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.250.000 đồng (*hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006832 ngày 15/2/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã Ký)

Nguyễn Đức Hoàng

